

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG YANG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS-ST
Ngày: 30-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Nam Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Định và ông Đoàn Như Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Dàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đình Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở: 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trọng T

Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Mang Yang Đông Gia Lai.

Địa chỉ chi nhánh: Số 279 đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Kon Dơng, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

(Văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC, ngày 27 tháng 12 năm 2019).

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc D, sinh năm: 1968 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1972.

Cùng địa chỉ: Tổ 6, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2023, lời khai của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Mang Yang Đông Gia Lai và ông Trần Ngọc D, bà Nguyễn Thị H có ký kết Hợp đồng tín dụng số 5009-LAV-202002364 ngày 15/12/2020, cho ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H vay tiền mục đích trang trí nội thất, tủ, két sắt, cụ thể như sau:

- Số tiền vay ban đầu: 4.800.000.000 đồng (*Bốn tỷ tám trăm triệu đồng*), ngân hàng đã giải ngân làm 02 đợt: ngày 26/2/2021 số tiền: 3.500.000.000 đồng (*Ba tỷ năm trăm triệu đồng*); ngày 25/6/2022 số tiền 1.300.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*).

- Ngày vay: 15/12/2020.

- Ngày đến hạn: 14/12/2021.

- Ngày chuyển nợ quá hạn:

+ Đối với số tiền: 3.500.000.000 đồng (*Ba tỷ năm trăm triệu đồng*) là ngày: 22/02/2022.

+ Đối với số tiền 1.300.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*) là ngày: 25/3/2022.

- Số tiền gốc đã trả đến thời điểm hiện tại: 0 đồng.

- Dư nợ gốc đến thời điểm hiện tại (tính đến ngày 30/01/2024): 4.800.000.000 đồng (*Bốn tỷ tám trăm nghìn đồng*).

- Số tiền lãi tính đến ngày 30/01/2024: 1.610.791.505 đồng (*Một tỷ sáu trăm mười triệu bảy trăm chín mươi một nghìn năm trăm lẻ năm đồng*).

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay, ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 154419/HĐTC ngày 16 tháng 12 năm 2019 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 154419/HĐSĐBS ngày 17 tháng 12 năm 2019 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Mang Yang Đông Gia Lai. Tài sản thế chấp gồm:

+ Thửa đất số: 56, tờ bản đồ số: 28, diện tích: 325,5m² (trong đó: Đất ở: 325,5m²) và Tài sản gắn liền với đất là Nhà xây cấp 4, diện tích xây dựng: 200m², diện tích sàn: 200m² và Nhà xây diện tích sử dụng 300m², diện tích xây dựng: 125m², số tầng: 02 tầng + 01 tầng hầm (tầng 1: 125m², tầng 2: 50m², tầng hầm: 125m²). Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn Kon Dong, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC 754553 do Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 07 tháng 09 năm 2005 cho ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H.

+ Thửa đất số: 30, tờ bản đồ số: 41, diện tích: 350m² (trong đó: Đất ở: 150m²; đất trồng cây lâu năm: 200m²). Địa chỉ: thị trấn Kon Dong, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AA 231960 do Ủy ban nhân dân huyện Mang

Yang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 02 tháng 11 năm 2004. Số vào sổ cấp GCN: 00353 QSDĐ/380/2004/QĐ-UB(H) cấp cho ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H.

Từ khi giải ngân đến nay, ông Trần Ngọc D, bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo như thỏa thuận đã cam kết mặc dù phía nguyên đơn đã làm việc nhiều lần để yêu cầu trả nợ.

Vì vậy nay nguyên đơn yêu cầu ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/01/2024 là 6.410.791.505 đồng (*Sáu tỷ bốn trăm mười triệu bảy trăm chín mươi một nghìn năm trăm lẻ năm đồng*), trong đó gồm nợ gốc 4.800.000.000 đồng (*Bốn tỷ tám trăm triệu đồng*), lãi trong hạn 403.855.342 đồng (*Bốn trăm lẻ ba triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng*), lãi quá hạn 1.320.555.616 đồng (*Một tỷ ba trăm hai mươi triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng*), trong đó số lãi bị đơn đã nộp là 113.619.453 đồng (*Một trăm mười ba triệu sáu trăm mười chín nghìn bốn trăm năm mươi ba đồng*), vậy tổng số tiền lãi trong hạn và số tiền lãi quá hạn còn lại là 1.610.791.505 đồng (*Một tỷ sáu trăm mười triệu bảy trăm chín mươi một nghìn năm trăm lẻ năm đồng*).

Trong trường hợp ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H không trả được nợ, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm mà ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 154419/HĐTC ngày 16 tháng 12 năm 2019 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 154419/HĐSĐBS ngày 17 tháng 12 năm 2019.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án: Do ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông bà phải chịu và đề nghị buộc ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho Ngân hàng số tiền đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Ý kiến của bị đơn ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H: Đối với ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông D và bà Hà không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa ngày 12/01/2024 và ngày 30/01/2024 đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang phát biểu ý kiến như sau:

Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục diễn ra tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự. Đối với ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông D và bà Hà. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ vì hợp đồng giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có nội dung và hình thức đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã vi phạm hợp đồng tín dụng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chính đáng, cần được chấp nhận. Vì vậy cần

buộc ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Nếu ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H không trả được nợ hoặc không trả đủ số nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Về án phí: buộc ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: buộc ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho nguyên đơn chi phí xem xét thẩm định mà nguyên đơn đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) khởi kiện vợ chồng ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H, địa chỉ tại Tổ 6, thị trấn Kon Dong, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai thanh toán số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Ông D và bà H là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, vì vậy đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tiến hành thủ tục triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về căn cứ khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn cung cấp các chứng cứ là: Hợp đồng tín dụng số 5009-LAV-202002364 ngày 15/12/2020; Thông báo điều chỉnh giảm lãi suất cho vay trong hạn ngày 16/7/2021; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 154419/HĐTC ngày 16/12/2019 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 154419/HĐSDDBS ngày 17/12/2019; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 16/12/2019; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC 754553 do Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 07 tháng 09 năm 2005; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AA 231960 do Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 02 tháng 11 năm 2004. Tòa án đã thực hiện công khai chứng cứ theo quy định. Xét hình thức và nội dung thỏa thuận của các hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Bị đơn không có ý kiến phản đối nên có căn cứ xác định các hợp đồng này là có thật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 5009-LAV-202002364 ngày 15/12/2020: số tiền vay 4.800.000.000 đồng (*Bốn tỷ tám trăm triệu đồng*); mục đích vay trang trí nội thất, tủ, két sắt; ngày giải ngân 15/12/2020; ngày đáo hạn 14/12/2021; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất tại thời điểm vay vốn 9,7%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H đã nhận đủ tiền vay 4.800.000.000 đồng (*Bốn tỷ tám trăm triệu đồng*) và đến hạn trả nợ gốc ngày

14/12/2021 ông bà không trả nợ, nên Ngân hàng đã chuyển khoản vay sang quá hạn là phù hợp. ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H đã vi phạm hợp đồng, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông bà trả nợ gốc và lãi là có căn cứ.

[6] Lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam “Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng” và thời gian tính lãi theo đúng thỏa thuận. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/01/2024 là 6.410.791.505 đồng (*Sáu tỷ bốn trăm mười triệu bảy trăm chín mươi một nghìn năm trăm lẻ năm đồng*), trong đó gồm nợ gốc 4.800.000.000 đồng (*Bốn tỷ tám trăm triệu đồng*), lãi trong hạn 403.855.342 đồng (*Bốn trăm lẻ ba triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng*), lãi quá hạn 1.320.555.616 đồng (*Một tỷ ba trăm hai mươi triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng*), trong đó số lãi bị đơn đã nộp là 113.619.453 đồng (*Một trăm mười ba triệu sáu trăm mười chín nghìn bốn trăm năm mươi ba đồng*), vậy tổng số tiền lãi trong hạn và số tiền lãi quá hạn còn lại là 1.610.791.505 đồng (*Một tỷ sáu trăm mười triệu bảy trăm chín mươi một nghìn năm trăm lẻ năm đồng*) là có căn cứ nên cần buộc ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H phải liên đới trả cho Ngân hàng các khoản nợ này.

[7] Việc tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Cụ thể, vì các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nên nếu ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5009-LAV-202002364 ngày 15/12/2020.

[8] Xét yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp giữa các bên đã kí kết: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 154419/HĐTC ngày 16 tháng 12 năm 2019 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 154419/HĐSĐBS ngày 17 tháng 12 năm 2019 được ký kết giữa ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Mang Yang Đông Gia Lai là hợp pháp. Nội dung thỏa thuận phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự. Bên thế chấp dùng tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ gốc, lãi và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác. Theo quy định tại khoản 1 Điều 299 và khoản 6 Điều 320 của Bộ luật dân sự thì trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên thế chấp phải giao tài sản thế chấp để xử lý. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp của ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H trong trường hợp không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Nguyên đơn đã nộp đủ. Vì toàn bộ

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 157, Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

[10] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cụ thể, ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tổng số tiền phải trả cho Ngân hàng 6.410.791.505 đồng (*Sáu tỷ bốn trăm mười triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn, năm trăm lẻ năm đồng*) là: 114.410.792 đồng (*Một trăm mười bốn triệu, bốn trăm mười hai nghìn, bảy trăm chín mươi hai đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 280, khoản 1 Điều 299, Điều 317, Điều 318, khoản 6 Điều 320, Điều 321, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;
- Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;
- Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam:

1. Buộc Buộc ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H phải liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/01/2024 là **6.410.791.505 đồng** (*Sáu tỷ bốn trăm mười triệu bảy trăm chín mươi một nghìn năm trăm lẻ năm đồng*), trong đó gồm nợ gốc 4.800.000.000 đồng (*Bốn tỷ tám trăm triệu đồng*), nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn tổng cộng 1.610.791.505 đồng (*Một tỷ sáu trăm mười triệu bảy trăm chín mươi một nghìn năm trăm lẻ năm đồng*).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (30/01/2024) cho đến khi thi hành án xong ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5009-LAV-202002364 ngày 15/12/2020.

3. Trong trường hợp ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H không trả được nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 154419/HĐTC ngày 16 tháng 12 năm 2019 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 154419/HĐSĐBS ngày 17 tháng 12 năm 2019.

Việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ được thực hiện theo quy định của pháp luật và nội dung hợp đồng mà các bên đã ký kết.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H phải liên đới trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là **10.000.000 đồng** (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là **114.410.792 đồng** (Một trăm mười bốn triệu bốn trăm mười nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng).

Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: **56.770.000 đồng** (Năm mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0010828 ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

6. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/01/2024), các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Mang Yang;
- Chi cục THADS huyện Mang Yang (khi án có hiệu lực);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Trương Nam Trung

-